

Số: 67/2026/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 58/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lò Thị T, sinh năm 1986.

Nơi thường trú: Tổ 3, phường Mường T, tỉnh Điện Biên.

Nơi ở hiện nay: Tổ 8, phường Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Ông Trần Đức M, sinh năm 1987.

Nơi thường trú: Tổ 3, phường Mường T, tỉnh Điện Biên.

Nơi ở hiện nay: Tổ 8, phường Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lò Thị T, sinh năm 1986.

Nơi thường trú: Tổ 3, phường Mường T, tỉnh Điện Biên.

Nơi ở hiện nay: Tổ 8, phường Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Ông Trần M Đức, sinh năm 1987.

Nơi thường trú: Tổ 3, phường Mường T, tỉnh Điện Biên.

Nơi ở hiện nay: Tổ 8, phường Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lò Thị T và anh Trần Đức M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các bên cùng thống nhất chị Lò Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Lò Hà V sinh 31/10/2012 và anh Trần Đức M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Lò Quỳnh A sinh ngày 16/11/2019 cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T tự nguyện chịu án phí cho anh M khi các bên thuận tình ly hôn, theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T chịu 150.000đ, chị T được trả lại 150.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000012, ngày 08/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - ĐB;
- UBND phường N
(Nơi đăng ký kết hôn);
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga